

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng tuyến đường từ DH.42 đến giáp đường An Nhơn - Tây Đàm của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 395/STNMT-CCBVMT ngày 31/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng tuyến đường từ DH.42 đến giáp đường An Nhơn - Tây Đàm;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng tuyến đường từ DH.42 đến giáp đường An Nhơn - Tây Đàm đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 37/CV-BQL ngày 02/02/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 174/TTr-STNMT ngày 05/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng tuyến đường từ DH.42 đến giáp đường An Nhơn - Tây Đàm (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- BQLDA ĐTXD & PTQĐ huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Hiệp;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG TỪ ĐH.42 ĐẾN GIÁP ĐƯỜNG AN NHƠN
– TÂY ĐÀM CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN TUY PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng tuyến đường từ ĐH.42 đến giáp đường An Nhơn - Tây Đàm.
- Địa điểm thực hiện: xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

1.2.1. Phạm vi: Xây dựng tuyến đường từ ĐH.42 đến giáp đường An Nhơn - Tây Đàm theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, tương đương cấp V đồng bằng, điểm đầu tuyến: giáp đường ĐH42, Km0+00 - Km0+247,34, điểm cuối đoạn tuyến Km0+696,78 giáp Km4+593 đường An Nhơn - Tây Đàm.

1.2.2. Quy mô:

- Xây dựng mới tuyến đường có chiều dài 700 m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng, cụ thể:
 - + Đoạn 1: Từ đường giáp đường ĐH42, Km0+00-Km0+247,34; chiều dài 248 m; bề rộng nền đường 16 m.
 - + Đoạn 2: Từ Km0+247,34-Km0+696,78; chiều dài 452 m; bề rộng nền đường 7,5 m.

- Xây dựng cầu Lũc Lễ 2 tầng BTCT có chiều dài 58,82 m.
- Xây dựng hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông.

1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: San nền, xây dựng đường giao thông, xây dựng cầu, công trình thoát nước.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án:

- Công trình phòng hộ và an toàn giao thông.
- Bãi thải của dự án tại khu vực núi Tình Giang, thôn Giang Bắc, xã Phước Hiệp có diện tích 2.000 m² do UBND xã Phước Hiệp quản lý.
- Lán trại, bãi đúc đầm và bãi tập kết vật liệu thi công được bố trí tại

Km0+283 bên phải tuyến đường dự án, diện tích khoảng 1.800 m².

- 01 tuyến đường công vụ với chiều dài 190 m, bố trí 03 cống ngang D1500.

1.3.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: bố trí 01 nhà vệ sinh di động; 01 hố lắng dung tích 3 m³; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 10.197,87 m².

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải, ô nhiễm nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông; ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và vi sinh cao,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 3,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) khối lượng khoảng 10 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy.
- Chất thải rắn từ quá trình bóc phong hóa phát sinh khoảng 2.896,5 m³.
- Chất thải rắn từ hoạt động hoàn trả vị trí bãi đúc đầm phát sinh khoảng 943,2 m³.
- Chất thải rắn từ hoạt động thanh thải đường công vụ phát sinh khoảng 1.058,4 m³.
- Chất thải rắn từ hoạt động tháo dỡ công trình hiện hữu phát sinh khoảng 25,74 m³ xà bần.
- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 5 - 10 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, sắt, gỗ, ni lông.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...) với khối lượng khoảng 27 kg trong suốt thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

- Giai đoạn thi công: Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động tại bãi đúc đầm phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư lân cận.
- Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến.

3.4. Các tác động khác: Tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.
- Nước thải xây dựng: lắng cặn, tái sử dụng cho hoạt động xây dựng.
- Nước mưa chảy tràn:
 - + Tạo các rãnh thu gom nước mưa tạm thời trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường; tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu, bãi đúc đầm.

+ Đường công vụ: bố trí 03 cống D1500 đảm bảo tiêu thoát nước tại Kênh TNX6, thực hiện thanh thải dòng chảy theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu, đồ thải được phủ bạt, thùng xe kín; chờ đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

+ Vận chuyển đổ thải khoảng 4.923,84 m³ bao gồm: khối lượng bóc phong hóa khoảng 2.896,5 m³; xà bần khoảng 25,74 m³; phát sinh từ hoạt động thanh thải đường công vụ khoảng 1058,4m³ và chất thải rắn từ san gạt, hoàn trả bãi đúc đầm khoảng 943,2 m³. Khối lượng đổ thải được vận chuyển đi đổ thải tại Núi Tình Giang, thôn Giang Bắc, xã Phước Hiệp, diện tích 2.000 m², chiều cao đổ thải khoảng 2,5 m.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Tại công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn, lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung: Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động bởi dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định

của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại Km0+185 đoạn qua khu dân cư, gần vị trí xây dựng cầu Lục Lễ 2, tọa độ (X = 1534356; Y = 598372).

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải

rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.